

Bản án số: 164/2024/DS-PT.

Ngày 01 - 8 - 2024.

V/v “tranh chấp quyền sử dụng đất
(ranh đất)”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Lạc.

Ông Lâm Triệu Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Đức Hoài Mi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 tháng 3 và ngày 01 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2024/TLPT - DS ngày 29 tháng 01 năm 2024 về việc: “*tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh đất)*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 130/2023/DS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 52/2024/QĐ - PT ngày 20 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Ngọc H, sinh năm 1957 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Trương Ngọc Huệ là ông Trương Công Ph, sinh năm 1962 (theo văn bản ủy quyền ngày 07/02/2022, có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp An Tr, xã Trung Th, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị N, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp An Tr, xã Trung Th, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị N là ông Trần Văn Â, sinh năm 1961 (theo văn bản uỷ quyền ngày 02/01/2024, có mặt).

Địa chỉ: Ấp Phong Th, thị trấn Vũng Liêm, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/12/2021 và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Trương Ngọc H là ông Trương Công Ph trình bày:

Bà H có thửa đất số 441, tờ bản đồ số 13, diện tích 3.398,2m², loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp Xuân Minh H1, xã Trung Th, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do bà Trương Ngọc H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có nguồn gốc do cha mẹ tặng cho, bà H canh tác đất từ năm 1976 đến nay. Giáp thửa đất của bà H là thửa 104, tờ bản đồ số 13, diện tích 6.556,4m², loại đất chuyên trồng lúa nước do bà Trần Thị N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2011 đo đạc theo chương trình Vlap giữa đất bà H và đất bà N đã có trụ ranh ổn định. Ngày 25/3/2021 bà H được cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 441, diện tích 3.398,2m², loại đất chuyên trồng lúa nước. Đến tháng 7 năm 2021 bà N tự ý nhổ các trụ ranh giữa đất bà H và đất bà N, bà N cắm lại trụ ranh lấn qua phần đất của bà H diện tích theo đo đạc của Tòa án cấp sơ thẩm là 90,5m².

Bà Trương Ngọc H khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị N phải trả lại cho bà H phần đất diện tích 90,5m² tại thửa 441, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp Xuân Minh H1, xã Trung Th, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do bà H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bị đơn bà Trần Thị N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 130/2023/DS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 166, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 100, Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Ngọc H do ông Trương Công Ph đại diện theo ủy quyền về việc yêu cầu bà Trần Thị N phải trả lại cho bà Trương Ngọc H phần đất diện tích 90,5m² tại thửa 441, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp Xuân Minh H1, xã Trung Th, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do bà Trương Ngọc H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc bà Trần Thị N phải trả lại cho bà Trương Ngọc H phần đất diện tích 90,5m² tại thửa 441, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp Xuân Minh H1, xã Trung Th, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do bà Trương Ngọc H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 04/8/2023).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/01/2024 bị đơn bà Trần Thị N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Trần Thị N và ông Trần Văn A đại diện cho bà N sửa đổi kháng cáo không đồng ý trả lại cho bà H phần đất tranh chấp thửa 441-2, diện tích 89,4m², loại đất LUC theo kết quả đo đạc tại Tòa án cấp phúc thẩm. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Ông Trương Công Ph đại diện cho bà Trương Ngọc H không đồng ý với kháng cáo của bà Trần Thị N sửa đổi tại cấp phúc thẩm. Ông Ph đồng ý với kết quả đo đạc tại Toà án cấp phúc thẩm xác định diện tích đất tranh chấp 89,4m², loại đất LUC, thuộc thửa 441-2 để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Yêu cầu bà N trả lại cho bà H diện tích 89,4m², loại đất LUC, thuộc thửa 441-2.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Các đương sự có mặt thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Trần Thị N. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bà N phải chịu chi phí đo đạc tại cấp phúc thẩm là 8.478.000đ. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm cho bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục:* Đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị N đúng về hình thức, nội dung và còn trong thời hạn luật định. Tại phiên tòa phúc thẩm bà N sửa đổi kháng cáo không đồng ý trả lại cho bà H diện tích đất tranh chấp 89,4m², loại đất LUC, thuộc thửa 441-2 theo kết quả đo đạc tại cấp phúc

thẩm và không đồng ý chịu chi phí khảo sát đo đạc. Xét thấy, việc sửa đổi kháng cáo của bà N không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo kháng cáo bà N sửa đổi tại phiên tòa.

- Về nội dung:

[1] Bà N kháng cáo không đồng ý trả lại cho bà H diện tích 89,4m² và không đồng ý chịu chi phí khảo sát đo đạc. Lý do bà không có lần chiếm đất của bà H.

Xét yêu cầu kháng cáo của bà N là không có căn cứ chấp nhận. Vì, phần đất của bà H thửa 441 và phần đất của bà N thửa 104 giáp ranh nhau. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hai bên được cấp đã thể hiện mốc giới chiều ngang, chiều dài, diện tích cụ thể. Theo kết quả đo đạc tại Tòa án cấp phúc thẩm được thể hiện tại kết quả đo đạc hiện trạng khu đất phục vụ công tác xét xử của Tòa án do Văn phòng đăng ký Đất đai tỉnh Vĩnh Long cung cấp đề ngày 04/7/2024 đã xác định phần đất tranh chấp ranh giữa bà H với bà N có diện tích 89,4m², loại đất LUC, thuộc thửa 441, tờ bản đồ số 13 do bà H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà N cho rằng phần đất tranh chấp diện tích 89,4m² thuộc quyền sử dụng đất của bà. Nhưng ngoài lời trình bày ra bà N không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh phần đất tranh chấp thuộc thửa 104 của bà N. Do đó yêu cầu kháng cáo của bà N là không có căn cứ để chấp nhận. Buộc bà N phải có nghĩa vụ trả lại cho bà H diện tích đất tranh chấp theo đo đạc tại cấp phúc thẩm là 89,4m², loại đất LUC, tại thửa 441-2, tờ bản đồ số 13. Do sự xác định lại ranh của các đương sự tại cấp phúc thẩm so với xác định ranh tại cấp sơ thẩm có khác nhau nên diện tích đất tranh chấp có chênh lệch. Nhưng các đương sự thống nhất lấy kết quả đo đạc tại cấp phúc thẩm để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án nên sửa án sơ thẩm theo kết quả đo đạc tại cấp phúc thẩm. Bà N phải chịu chi phí tố tụng theo quy định.

[2] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long có một phần phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận một phần đề nghị của Viện kiểm sát.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bà N không được chấp nhận nên bà N phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Tuy nhiên, bà N là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm cho bà N.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị N. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 130/2024/DS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 166 và Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 100, Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, Điều 27 và Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Ngọc H. Buộc bà Trần Thị N có nghĩa vụ giao trả lại cho bà Trương Ngọc H thửa đất số 441-2, tờ bản đồ số 13, diện tích 89,4m², loại đất LUC, tọa lạc ấp Xuân Minh H1, xã Trung Th, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Có sơ đồ, vị trí, giáp giới, kích thước hình thể theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất phục vụ cho công tác xét xử của Tòa án và sơ đồ vị trí thửa đất do Văn phòng đăng ký Đất đai tỉnh Vĩnh Long cung cấp đề ngày 04/7/2024 kèm theo bản án.

2. Về chi phí tố tụng:

2.1. Chi phí tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm: Buộc bà Trần Thị N nộp 4.094.000đ (bốn triệu, không trăm, chín mươi bốn nghìn đồng). Nhưng bà Trương Ngọc H đã nộp tạm ứng trước 4.094.000đ (bốn triệu, không trăm, chín mươi bốn nghìn đồng) nên buộc bà N phải có nghĩa vụ nộp 4.094.000đ (bốn triệu, không trăm, chín mươi bốn nghìn đồng) để hoàn trả lại cho bà H.

2.2. Chi phí tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm: Buộc bà Trần Thị N nộp 8.478.000đ (tám triệu, bốn trăm, bảy mươi tám nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền bà N nộp tạm ứng 12.000.000đ (mười hai triệu đồng). Tòa đã hoàn trả lại cho bà N nhận đủ số tiền 3.522.000đ (ba triệu, năm trăm, hai mươi hai nghìn đồng) theo biên bản giao trả tiền tạm ứng chi phí khảo sát đo đạc ngày 01/8/2024.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho bà Trần Thị N.

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC tại TP HCM: 01b;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- CA.TAND TVL: 01b;
- Phòng KTNV&THA TAND TVL: 01b;
- TAND huyện Vũng Liêm: 01b;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm: 01b;
- Mỗi đương sự: 01b;
- Lưu HS: 06b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Trường